

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH
BỘ MÔN TÂM LÝ VÀ GIÁO DỤC



KỶ YẾU KHOA HỌC SỐ 2

HÀ TĨNH 4/2016

BAN BIÊN TẬP

1. TS. Nguyễn Văn Tịnh
2. ThS. Nguyễn Thu Phương
3. ThS. Lê Thị Bích Ngọc
4. ThS. Nguyễn Thị Cẩm

TRƯỞNG BAN BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Văn Tịnh

PHÓ TRƯỞNG BAN BIÊN TẬP

ThS. Nguyễn Thị Thu Phương

	MỤC LỤC	Trang
1	Nhận thức của sinh viên trường Đại học Hà Tĩnh về Giáo dục giới tính	3
2	Nâng cao hiệu quả làm việc nhóm cho sinh viên trường Đại học Hà Tĩnh	11
3	Những bài học về ý chí trong Nhân cách Hồ Chí Minh	17
4	Phẩm chất của người thầy trong xã hội hiện đại	23
5	Vài nét về cuộc đời và sự nghiệp của nhà sư phạm, nhà văn Anton Makarencô	28

NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH VỀ GIÁO DỤC GIỚI TÍNH

ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết

TÓM TẮT

Bài báo trình bày kết quả nghiên cứu nhận thức của sinh viên về giáo dục giới tính, từ đó đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao nhận thức cho sinh viên về giáo dục giới tính, tình dục, giúp các em biết cách bảo vệ chính mình và góp phần xây dựng gia đình hạnh phúc.

Từ khóa: *Giáo dục giới tính, sinh viên.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhà giáo dục A.S. Makarenko đã từng khẳng định “Giáo dục giới tính chỉ là một khía cạnh của giáo dục toàn diện và không thể tách rời ra được, như một cánh tay dính liền với cơ thể, muốn cho cánh tay khỏe mạnh thì phải làm cho toàn bộ cơ thể khỏe mạnh và ngược lại nếu có cơ thể khỏe mạnh về mọi mặt chỉ có cánh tay giáo dục giới tính là bị bỏ bê và nhũn nhối thì người đó không thể thưởng thức sự lành mạnh của phần cơ thể còn lại”.

Việt Nam là một quốc gia đang phát triển với số dân gần 90,5 triệu người (Theo kết quả điều tra dân số và nhà ở giữa năm 2014), nhưng có tỷ lệ người nạo phá thai khiến ai cũng giật mình. Theo thống kê của Ủy ban quốc gia dân số và Kế hoạch hoá gia đình, ở Việt Nam cứ một em bé ra đời thì có một bào thai bị phá bỏ. Tỷ lệ nạo phá thai năm 2010 của trẻ vị thành niên có 2%, hai năm trở lại đây đã tăng 4% (khoảng hơn 3000 ca mỗi năm), cao nhất trong khu vực Đông Nam Á và đứng thứ năm trên thế giới.

Qua đó cho thấy, việc nâng cao nhận thức cho sinh viên về giới tính hiện nay là vô cùng cần thiết. Dưới đây là kết quả nghiên cứu từ 251 sinh viên Trường Đại học Hà Tĩnh về vấn đề giáo dục giới tính.

NỘI DUNG

1. Nhận thức của sinh viên về Giáo dục Giới tính

Nhận thức về sự cần thiết của việc giáo dục giới tính là một trong những yếu tố để nâng cao hiệu quả giáo dục giới tính cho sinh viên. Kết quả khảo sát về mức độ cần thiết của việc giáo dục giới tính được trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1. Nhận thức về mức độ cần thiết của giáo dục giới tính

<i>Mức độ cần thiết</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tỉ lệ%</i>
Rất cần thiết	220	87,6
Cần thiết	17	6,77
Không cần thiết	14	5,57

Kết quả ở Bảng 1 cho thấy, mặc dù số sinh viên cho rằng giáo dục giới tính là không cần thiết chiếm tỷ lệ thấp (5,57%) nhưng cũng cần phải được quan tâm, lưu ý. Khi các em chưa thấy được sự cần thiết này thì các em còn mắc phải một số sai lầm vấn đề giới tính và hành vi tình dục. Vì vậy, cần tiếp tục nâng cao hơn nữa nhận thức của sinh viên về sự cần thiết phải giáo dục giới tính trong toàn trường, để tất cả SV đều có nhận thức đúng về vấn đề này.

2. Thực trạng giáo dục giới tính cho sinh viên trường Đại học Hà Tĩnh

Khi nghiên cứu thực trạng giáo dục giới tính ở 251 sinh viên Trường ĐH Hà Tĩnh, chúng tôi nhận thấy sinh viên còn thiếu hiểu biết hoặc hiểu biết chưa đầy đủ về giáo dục giới tính, biểu hiện rõ nhất về vấn đề: tình dục, các bệnh lây qua đường tình dục, các biện pháp tránh thai.

Bảng 2. Nhận thức về tình dục của sinh viên

<i>Nhận thức về tình dục</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Tán thành	8	3,18
Không tán thành	217	86,45
Phân vân, do dự	26	10,35

Với câu hỏi bạn có tán thành việc quan hệ tình dục trước hôn nhân không? Kết quả thu được như sau: Trong tổng số 251 sinh viên được điều tra có 8 sinh viên tán thành việc quan hệ tình dục trước hôn nhân chiếm tỷ lệ hơn 3,18%. Đây là số bề nổi của “tảng băng chìm”. Số liệu đáng quan tâm ở đây là còn có 26 sinh viên (hơn 10,35%) đang phân vân, do dự có nên hay không quan hệ tình dục trước hôn nhân. Để khẳng định, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn “Tại sao bạn phân vân, do dự trước quyết định việc quan hệ tình dục trước hôn nhân?”. *Em Trần Thị N cho rằng, việc quan hệ tình dục trước hôn nhân không hẳn đã là hoàn toàn xấu nếu cả hai biết cách*

quan hệ tình dục an toàn không để hậu quả xảy ra, nó sẽ là những trải nghiệm tuyệt vời giúp hai người hiểu nhau hơn...

Ý kiến này một lần nữa cho chúng ta thấy rằng việc trang bị cho các em những hiểu biết về giới tính không khi nào là thừa. Điều này đã phần nào nói lên thực trạng của sinh viên hiện nay nhiều em sinh viên không ngại ngần khi quyết định quan hệ tình dục trước hôn nhân bằng việc thuê phòng ở chung, góp gạo nấu cơm chung. Cũng có những em muốn thử cảm giác mới mẻ, lạ lẫm của việc sống chung với nhau.. và hậu quả không tránh khỏi đó là việc mang thai ngoài ý muốn, lấy chồng sinh con phải nghỉ học giữa chừng hoặc vừa đi học vừa nuôi con nhỏ khiến cho việc học tập gặp phải rất nhiều khó khăn do “cao chạy xa bay” của các “Sở Khanh” thời hiện đại.

Từ đó, chúng tôi lại tiến hành điều tra thêm ở sinh viên về các biện pháp tránh thai hiện nay, kết quả thu được như sau:

Bảng 3. Nhận thức của sinh viên về biện pháp tránh thai

<i>Các biện pháp tránh thai</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Đặt vòng	235	93,62
Thuốc viên tránh thai	251	100
Thuốc cấy tránh thai	35	13,94
Bao cao su	251	100
Đình sản	25	9,96
Tính vòng kinh	30	11,95
Xuất tinh ngoài âm đạo	38	15,13

Phân tích kết quả điều tra cho thấy, hầu hết sinh viên đã biết được các biện pháp tránh thai phổ biến hiện nay, tuy nhiên chưa phong phú và chưa đầy đủ, đa phần các em mới chỉ biết các biện pháp tránh thai thông dụng nhất đó là dùng bao cao su, thuốc tránh thai, đặt vòng. Dầu sao đây cũng là một tín hiệu đáng mừng, vì nhiều em đã biết cách bảo vệ chính mình, hạn chế bớt những hậu quả đáng tiếc có thể xảy ra.

Song, khi được hỏi về các bệnh lây qua đường tình dục thì kết quả thu được như sau:

Bảng 4. Nhận thức của sinh viên về các bệnh lây qua đường tình dục

<i>Các bệnh lây qua đường tình dục</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Giang mai	15	5,97
Lậu	251	100
Nấm Clamydia	0	0
Viêm gan B	2	0,79
Mụn rộp	3	1,19
HIV/ADS	251	100

Nghiên cứu số liệu trên cho thấy, hầu hết sinh viên chỉ biết một cách đơn giản rằng chỉ có thể mắc bệnh lậu hoặc HIV/ADS nếu quan hệ tình dục, nhưng khi được hỏi " *Biểu hiện của người mắc bệnh lậu là như thế nào*" Em Lê Thị X trả lời " *Em nghe nói nổi ngứa, khó chịu ở bộ phận sinh dục*". Nhìn chung, nhiều sinh viên còn rất mơ hồ về các bệnh lây lan qua tình dục. Đây chính là những lỗ hổng kiến thức về các bệnh lây qua đường tình dục.

Bên cạnh đó, vì tâm lý e ngại nên nhiều em biết cũng không dám nói sợ các bạn hiểu nhầm, hoặc hiểu không đúng về mình. Tâm lý e ngại này sẽ là một lực cản rất lớn trong quá trình giáo dục giới tính cho sinh viên.

Với hiểu biết chưa thật đầy đủ của mình về các bệnh lây qua đường tình dục nên với câu hỏi: "Các biện pháp phòng chống bệnh lây qua đường tình dục", kết quả thu được như sau:

Bảng 5. Các biện pháp phòng chống bệnh lây qua đường tình dục

<i>Các biện pháp</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Sử dụng bao cao su	251	100
Chung thủy một vợ một chồng	175	69,72
Tránh quan hệ tình dục với người lạ	76	30,27
Không quan hệ với người nhiễm bệnh	37	14,74
Không dùng chung bơm kim tiêm	17	6,77

Đây là con số một lần nữa phản ánh chính xác nhận thức chưa đầy đủ về giới tính của sinh viên đại học Hà Tĩnh khi các em chỉ hiểu một cách đơn giản rằng để tránh các bệnh lây qua đường tình dục cách tốt nhất là dùng bao cao su. Tuy không bắt ngờ về kết quả này nhưng chúng tôi vẫn an tâm rằng đầu sao các em vẫn đã biết bằng cách nào đó để tránh bệnh lây qua đường tình dục. Việc chỉ có 175 em sinh viên lựa chọn biện pháp chung thủy một vợ một chồng và 76 sinh viên chọn biện pháp tránh quan hệ tình dục với người lạ đã giúp chúng ta phần nào hiểu được quan điểm, lối sống của sinh viên hiện nay với cách nhìn “thoảng” và hiện đại hơn điều đó góp phần cho những nhận định của chúng tôi về nhận thức của sinh viên về giáo dục giới tính đầy đủ và rõ nét hơn. Chỉ có 17 sinh viên lựa chọn biện pháp tránh dùng chung bơm kim tiêm điều này phản ánh sự mâu thuẫn của sinh viên trong nhận thức (đối với kết quả của câu hỏi các bệnh lây qua đường tình dục đa phần các em đều cho rằng bệnh HIV/ADS mà các em lại quên trang bị cho mình kiến thức về việc không được dùng chung bơm kim tiêm đối với các biện pháp phòng tránh các bệnh lây qua đường tình dục).

Tóm lại: Nhận thức của sinh viên về giới tính chưa đầy đủ về giới tính và quan hệ tình dục là do nhiều nguyên nhân chủ yếu là do yếu tố chủ quan từ phía sinh viên, song cũng cần phải kể đến các yếu tố khách quan từ phía gia đình, nhà trường.

Kết quả nghiên cứu, cho phép đề xuất một số biện pháp góp phần nâng cao nhận thức cho sinh viên về giáo dục giới tính.

3. Một số biện pháp nâng cao nhận thức về Giáo dục Giới tính cho sinh viên

3.1. Nâng cao nhận thức của sinh viên về giáo dục giới tính

Nhận thức là kim chỉ nam cho mọi hành động, việc sinh viên có nhận thức đúng sẽ biểu hiện bằng các hành động thiết thực về giới tính đối với bản thân đối với xã hội. Vì vậy, cần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức vững chắc về giáo dục giới tính, đưa học phần Giáo dục giới tính vào dạy ở học kỳ I năm thứ nhất cho sinh viên.

3.2. Thành lập phòng tham vấn, tư vấn học đường

Điều này đã được bộ môn Tâm lý - Giáo dục đề xuất trong đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường trọng điểm năm học 2013-2014. Tuy nhiên đang gặp khó khăn về đội ngũ chuyên gia tư vấn. Trước mắt, với đội ngũ giảng viên được đào tạo đúng chuyên ngành tâm lý và giáo dục hiện có của Trường cũng có thể giúp sinh viên giải toả những băn khoăn, thắc mắc về vấn đề giới tính và tình dục. Việc thành lập các mô hình tâm lý là hết sức cần thiết, phải được nhân rộng tại các trường và có chính sách phù hợp cho mô hình phát triển.

Quá trình xây dựng mô hình thành lập phòng tham vấn tâm lý gồm 6 các bước với sự tham gia tích cực của các lực lượng trong toàn trường. Tuy nhiên, mức độ tham gia ở mỗi bước có khác nhau. Tiến trình xây dựng mô hình có thể tóm tắt như sau: (tham khảo đề tài “Nghiên cứu nhu cầu tham vấn tâm lý và xây dựng mô hình tổ chức tham vấn tâm lý cho sinh viên Trường Đại học Hà Tĩnh”, 2013, Nguyễn Văn Tịnh (chủ nhiệm đề tài)

Bước 1: Đánh giá thực trạng và xác định nhu cầu

Bước 2: Lựa chọn và đề xuất mô hình tham vấn tâm lý

Bước 3 : Xây dựng kế hoạch và các nội dung hoạt động

Bước 4: Tổ chức thực hiện mô hình

Bước 5: Tổng kết đánh giá kết quả thực hiện mô hình

Bước 6: Tổ chức nhân rộng mô hình

3.3. Thành lập các câu lạc bộ sức khỏe sinh sản để giúp sinh viên giao lưu, chia sẻ những vấn đề thắc mắc về giới tính

Đoàn Thanh niên và một số tổ chức khác trong nhà trường nên phối hợp để thành lập các Câu lạc bộ sức khỏe sinh sản trên cơ sở phối hợp với các chuyên gia trên địa bàn tỉnh về lĩnh vực này nhằm chia sẻ những vấn đề thắc mắc về sức khỏe sinh sản và giới tính cho sinh viên.

Câu lạc bộ sau khi được thành lập cần phải sinh hoạt thường xuyên ít nhất 1 tháng/1 lần với các chủ đề phù hợp với từng tháng để thu hút sinh viên tham gia nhằm đạt hiệu quả trong công tác giáo dục giới tính.

Tổ chức cuộc thi “Rung chuông vàng” 1,2 lần/năm. Đây là chương trình giao lưu nhằm giúp sinh viên tìm hiểu về kiến thức giáo dục giới tính, các biện pháp phòng tránh thai.

3.4. Tổ chức thường xuyên các hội thảo về chủ đề “Tình yêu, tình dục và gia đình”

Qua đó để sinh viên có thể tiếp cận một cách khoa học, có tính hệ thống các kiến thức về giới tính, văn hoá tình dục, đồng thời có thể tư vấn cho sinh viên khi các em có nhu cầu cần được giúp đỡ.

Để tổ chức được hội thảo cần được sự ủng hộ về kinh phí của nhà trường, sự phối kết hợp với đài truyền hình, các trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản trên địa bàn Tỉnh và đặc biệt là mời được các chuyên gia có uy tín để tổ chức buổi hội thảo thành công.

Buổi hội thảo cần được chọn lọc về nội dung, chủ đề, thời gian, địa điểm phù hợp với kế hoạch học tập trong từng kỳ, từng tháng để thu hút sự tham gia đông đảo của sinh viên.

3.5. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường, xã hội trong vấn đề giáo dục giới tính cho sinh viên

Hiệu quả của quá trình giáo dục giới tính chỉ có thể đạt được khi có sự phối hợp đồng bộ và thống nhất giữa các lực lượng giáo dục này trong đó yếu tố gia đình đóng vai trò hết sức quan trọng các bậc phụ huynh cần phải nhận thức được vai trò của mình trong việc giáo dục giới tính, cha mẹ phải hết sức quan tâm đến đời sống tâm lý của các em tạo cho các em một môi trường sống lành mạnh. Đồng thời cha mẹ cần nâng cao kiến thức của mình về giáo dục giới tính để có thể trao đổi, tâm sự và trở thành “bạn” của con mình, cần thường xuyên liên lạc trao đổi với các thầy cô giáo về những thay đổi của các em cả về thể chất, trí tuệ, tình cảm, gia đình cần tạo ra thế “chân kiềng” trong việc giáo dục giới tính cho các em.

Nhà trường cần giáo dục cho các em nhận biết về tình bạn, tình yêu chân chính, thái độ có trách nhiệm và tôn trọng tình yêu, nhận biết sự chân thành và giả tạo, học các kỹ năng tự vệ... Đồng thời, cần giáo dục thái độ đối với giới tính hình thành dần dần nhận thức về tình dục và thái độ đúng đắn lành mạnh về quan hệ giới tính.

Huy động tối đa sức mạnh của cộng đồng, vai trò, trách nhiệm của cộng đồng đối với việc giáo dục giới tính. Tuyên truyền nội dung giáo dục giới tính trên các phương tiện truyền thông, khuyến cáo các nguy cơ, thảm họa từ việc nạo phá thai, các bệnh lây qua đường tình dục, nghiện hút...

KẾT LUẬN

Qua kết quả nghiên cứu, khảo sát về nhận thức của sinh viên Trường Đại học Hà Tĩnh về giáo dục giới tính chúng tôi có thể nhận thấy phần lớn sinh viên đã nhận thức được những kiến thức cơ bản về tình dục, quan hệ tình dục, các bệnh lây qua đường tình dục, các biện pháp phòng tránh bệnh lây qua đường tình dục...

Tuy nhiên, nhận thức về giới tính của sinh viên chưa thật đồng đều ở các nội dung điều này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của việc giáo dục giới tính. Vì vậy, việc đề xuất các biện pháp phù hợp nhằm nâng cao nhận thức cho sinh viên về giáo dục giới tính là thực sự cần thiết với công tác giáo dục đào tạo cũng như đối sinh viên trong việc bảo vệ bản thân và duy trì cuộc sống hạnh phúc lứa đôi sau này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hữu Dũng (1998), Giáo dục giới tính (Giáo trình đào tạo giáo viên trung học cơ sở hệ cao đẳng sư phạm), Nxb Giáo dục
2. Nguyễn Quang Mai (Chủ biên) (2002) Giới tính và đời sống gia đình, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội
3. Bùi Ngọc Sơn, Trần Thị Thu Hương (2008), Giáo dục giới tính tuổi vị thành niên, Nxb Giáo dục
4. Hoàng Bá Thịnh, Giáo trình xã hội học về giới (2008), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội
5. Nguyễn Văn Tịnh (chủ nhiệm đề tài), (2013), “Nghiên cứu nhu cầu tham vấn tâm lý và xây dựng mô hình tổ chức tham vấn tâm lý cho sinh viên Trường Đại học Hà Tĩnh”.
6. Nguyễn Văn Lê, Nguyễn Thị Đoan (1997), Giáo dục giới tính, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ LÀM VIỆC NHÓM CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH

ThS. Lê Thị Bích Ngọc

TÓM TẮT

Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu thực trạng kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên và đưa ra một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả làm việc nhóm của sinh viên Trường Đại học Hà Tĩnh.

Từ khóa: *Kỹ năng, kỹ năng làm việc nhóm.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Một trong những mục tiêu đào tạo của trường đại học là dạy kỹ năng cho sinh viên. Với sự thay đổi hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ trong các trường đại học, nhà trường đổi mới nội dung, giáo trình, tổ chức dạy và học, thời gian đào tạo linh hoạt, vận dụng linh hoạt phương pháp dạy và học thể hiện sự tương tác giữa thầy và trò... đã giúp sinh viên hình thành những kỹ năng cần thiết để nhanh chóng hòa nhập và thích nghi với môi trường hoàn toàn mới, trong đó có kỹ năng làm việc nhóm. Kỹ năng làm việc nhóm gần như không thể tách rời với sinh viên, nó có thể coi như là hành trang mang theo khi sinh viên ra trường. Tuy vậy việc rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm cho sinh viên ở các Trường Đại học nói chung và Trường Đại học Hà Tĩnh nói riêng vẫn còn nhiều bất cập. Trong khuôn khổ bài viết sẽ trình bày kết quả nghiên cứu thực trạng rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên và từ đó đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả làm việc nhóm cho sinh viên Trường Đại học Hà Tĩnh.

NỘI DUNG

1. Một số vấn đề lý luận về làm việc nhóm

1.1. Khái niệm

Làm việc theo nhóm là một phương pháp học tập trong đó các thành viên cùng phối hợp chặt chẽ với nhau để giải quyết một vấn đề học tập cụ thể nhằm hướng đến một mục tiêu chung; sản phẩm của nhóm là sản phẩm của trí tuệ tập thể.

1.2. Lợi ích của làm việc nhóm

Làm việc theo nhóm sẽ góp phần xây dựng tinh thần đồng đội, khuyến khích mọi thành viên được tự do phát biểu quan điểm của mình về chủ đề thảo luận, từ đó phát triển tư duy độc lập và trao đổi lẫn nhau trong nhóm. Học tập theo nhóm luôn có sự bàn bạc, tranh luận để tìm ra chân lý dựa trên những nguồn thông tin mà mọi thành viên trong nhóm tìm hiểu; tăng khả năng hòa nhập, có thêm tinh thần học hỏi; tạo cơ hội cho mọi thành viên rèn luyện các kỹ năng mềm.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc nhóm của sinh viên

1.3.1. Nhà trường

SV học theo nhóm là hoạt động không thể thiếu trong nhà trường hiện nay. Tuy nhiên, để học nhóm mang lại hiệu quả cao, ngoài việc tổ chức chương trình học phù hợp, nhà trường phải có cơ sở vật chất kỹ thuật đảm bảo cho hoạt động dạy và học của GV và SV, xây dựng hệ thống thư viện cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết để SV có thể tự học và học theo nhóm. Ngoài ra, các hoạt động ngoại khóa phong phú đa dạng góp phần để SV rèn luyện và nâng cao KN HĐN.

1.3.2. Giảng viên

Giảng viên là người ảnh hưởng trực tiếp đến việc hình thành và phát triển kỹ năng làm việc nhóm cho SV thông qua việc tổ chức dạy và học. Giảng viên là người hướng dẫn sinh viên cách học nhằm phát huy tính chủ động sáng tạo của mình. Với phương pháp dạy học theo nhóm mang tính tương tác và khám phá, giảng viên là người tổ chức hướng dẫn sinh viên cách học, tạo điều kiện để sinh viên sẵn sàng hợp tác, giúp đỡ nhau khi giải quyết nhiệm vụ học tập. Hơn nữa, giảng viên thường xuyên quan tâm đến việc kiểm tra, nhận xét đánh giá thái độ làm việc, tinh thần trách nhiệm cũng như kết quả học tập của sinh viên sau khi tham gia làm việc nhóm tạo cơ hội cho sinh viên thấy rõ ưu và nhược điểm của mình, giúp họ nỗ lực hơn để rèn luyện và hoàn thiện kỹ năng làm việc nhóm.

1.3.3. Sinh viên

Kỹ năng trong học tập được hình thành trên cơ sở hiểu biết của sinh viên về làm việc nhóm. Với phương pháp dạy học tích cực, sinh viên phải thay đổi suy nghĩ và cách học của mình. Sinh viên phải ý thức làm chủ bản thân trong quá trình học tập, năng động sáng tạo, linh hoạt và thích nghi nhanh chóng với cách học mới, hình thành thói quen tự học, tự nghiên cứu, có năng lực tìm kiếm và xử lý thông tin, chịu trách nhiệm với kết quả học tập của mình ... đây là những yếu tố góp phần hình thành kỹ năng làm việc nhóm cho sinh viên. Bên cạnh đó, sinh viên học tập với niềm say mê hứng thú, khát khao tìm tòi khám phá, học trong môi trường tương tác, thân thiện, cùng nhau giải quyết nhiệm vụ học tập... đều ảnh hưởng đến việc hình thành các kỹ năng làm việc nhóm cho sinh viên.

2. Thực trạng kỹ năng làm việc nhóm của sinh SV Trường Đại học Hà Tĩnh

Bằng thực tiễn giảng dạy và thông qua khảo sát điều tra bằng bảng câu hỏi đối với sinh viên 162 Trường Đại học Hà Tĩnh ở các chuyên ngành Sư phạm, Kinh tế và Ngoại Ngữ cho thấy thực trạng làm việc nhóm của sinh viên Đại học Hà Tĩnh hiện nay như sau:

2.1. Nhận thức về tầm quan trọng của kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên

Trong tổng số 100% sinh viên được tiến hành khảo sát thì chỉ có 11,1% sinh viên rất thích làm việc nhóm; 19,7% sinh viên thích làm việc nhóm; 46,2% sinh viên tỏ ra bình thường đối với làm việc nhóm, còn lại 23,3% sinh viên hoàn toàn không thích làm việc nhóm.

Với tỷ lệ trên có thể thấy sinh viên nhận thức chưa cao về vai trò, tầm quan trọng của kỹ năng làm việc nhóm trong khi đó làm việc nhóm sẽ tạo cơ hội cho SV được thể hiện mình, trở nên mạnh dạn hơn, tự tin hơn, có trách nhiệm hơn; tăng cường sự gắn kết các thành viên trong lớp hơn, giúp thành viên thu nhận và nắm vững nhiều kiến thức hơn. Mặt khác yêu cầu tất yếu của xã hội hiện đại ở một con người ngoài tri thức, sức khỏe thì kỹ năng và đặc biệt là kỹ năng làm việc nhóm đang đặt lên hàng đầu.

2.2. Về mức độ thường xuyên làm việc nhóm của sinh viên

Theo số liệu thu thập được thì có 12,3% sinh viên thường xuyên làm việc nhóm; 48,7% sinh viên thỉnh thoảng làm việc nhóm và 39% sinh viên ít khi làm việc nhóm. Với số liệu đó có thể thấy sinh viên Trường Đại học Hà Tĩnh rất ít làm việc theo nhóm. Điều này cũng dễ dàng lý giải nguyên nhân là ngay từ đầu sinh viên đã nhận thức chưa cao về vai trò và tầm quan trọng của việc làm việc nhóm và vì vậy rất ít em thường xuyên làm việc nhóm. Trong thực tiễn giảng dạy chúng tôi nhận thấy nhiều sinh viên khi giảng viên tổ chức cho sinh viên làm việc nhóm thì chỉ có một vài thành viên tích cực mà chủ yếu là nhóm trưởng và một vài sinh viên có học lực khá giỏi, số còn lại là trông chờ vào các bạn hoặc thậm chí là đối phó với giảng viên chứ thực tế là không tham gia làm việc cùng nhóm.

2.3. Mức độ hiệu quả làm việc nhóm

Theo kết quả khảo sát, có 37% sinh viên cho rằng kết quả thực hiện công việc của nhóm là cao nhưng lại có đến 61% sinh viên cho rằng lượng kiến thức thu nhận được sau khi làm việc nhóm là ở mức trung bình. Điều này cho thấy sinh viên chủ yếu quan tâm đến kết quả công việc hoàn thành hơn là lượng kiến thức mà mình nhận được, do đó gây ảnh hưởng đến thái độ và cách thức làm việc nhóm của sinh viên.

2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc nhóm của sinh viên

Với thực trạng mức độ hiệu quả làm việc nhóm trên, chúng tôi tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến việc hình thành kỹ năng làm việc nhóm trong học tập của sinh viên Trường Đại học Hà Tĩnh. Chúng tôi xếp các yếu tố ảnh hưởng đến việc hình thành kỹ năng làm việc nhóm của SV theo ba nhóm bao gồm yếu tố nhà trường, giảng viên và bản thân sinh viên. Kết quả thu được như sau:

SV đánh giá chính bản thân có ảnh hưởng nhiều nhất đến việc hình thành kỹ năng làm việc nhóm của họ, trong đó sinh viên chú trọng đến cách học của mình ảnh hưởng nhiều nhất đến việc hình thành kỹ năng này. Xếp thứ hai về mức độ ảnh hưởng theo đánh giá của SV chính là việc quan tâm, hướng dẫn và quản lý việc làm việc nhóm của giảng viên. Cuối cùng là yếu tố nhà trường, trong đó sinh viên cho rằng việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa quan trọng nhất.

Cụ thể là:

* Về phía nhà trường

Bảng 1: Các yếu tố thuộc về nhà trường ảnh hưởng đến KN làm việc nhóm của SV

TT	Các yếu tố ảnh hưởng	SL	Tỷ lệ
1	Nhà trường chưa trang bị cho SV kiến thức về làm việc nhóm	42	25,9
2	Cơ sở vật chất còn hạn chế	57	35,1
3	Nhà trường chưa có nhiều hoạt động ngoại khóa lôi cuốn SV tham gia	98	60,4
4	Sĩ số lớp quá đông	39	24,1

Với kết quả trên cho thấy nguyên nhân quan trọng nhất ở yếu tố này ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc nhóm của sinh viên là nhà trường chưa có nhiều hoạt động ngoại khóa lôi cuốn sinh viên và vì vậy đây cũng là lý do đồng nghĩa với việc cơ hội trải nghiệm và rèn luyện kỹ năng của sinh viên ở Trường Đại học Hà Tĩnh là còn rất hạn chế. Thực tế là hoạt động ngoại khóa tại trường không phải là chưa có nhiều nhưng thực tế là sức hấp dẫn và thu hút được nhiều sinh viên tham gia là chưa đáng kể. Mặt khác số lượng sinh viên tham gia các hoạt động luôn bị bó hẹp ở một số các nhân tích cực, có năng khiếu hoạt động phong trào hoặc đội ngũ cán bộ lớp, Đoàn và câu lạc bộ vì vậy đây là nguyên nhân lớn nhất mà sinh viên cho là cản trở đến hiệu quả rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm của các em.

* Về phía giảng viên

Bảng 2: Các yếu tố thuộc về GV ảnh hưởng đến kỹ năng làm việc nhóm của SV

Stt	Các yếu tố ảnh hưởng	SL	Tỷ lệ
1	GV chưa biết cách thức tổ chức cho SV làm việc nhóm	25	15,4
2	GV không hoặc ít cho SV học theo nhóm	38	23,4
3	GV chưa quan tâm rèn luyện KN làm việc nhóm cho SV	87	53,7
4	GV không quản lý, kiểm tra SV khi tổ chức học theo nhóm	64	39,5
5	GV đánh giá thiếu chính xác, khách quan và công bằng	69	42,5

Kết quả ở bảng 2 cho thấy: “GV chưa quan tâm rèn luyện KN làm việc nhóm cho SV” được SV lựa chọn nhiều nhất trong các yếu tố trên. Qua trao đổi, các em cho rằng vẫn nhận thức được đây là một kỹ năng rất quan trọng cần rèn luyện cho bản thân nhưng trong học tập lại không có nhiều cơ hội để được rèn luyện và giảng viên thực sự chưa mặn mà với vấn đề này nên cũng không biết là phải rèn luyện như thế nào cho có hiệu quả.

Khi tổ chức học theo nhóm, SV cũng cho rằng “GV đánh giá thiếu khách quan, công bằng” và “GV không quản lý, kiểm tra SV khi tổ chức học nhóm” được SV đánh giá là ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả làm việc nhóm của các em. SV cho rằng nếu học theo nhóm mà GV không theo dõi, kiểm tra thì sẽ có người không cố gắng, hoặc mạnh ai nấy làm, một người làm nhưng kết quả là của cả nhóm. Như vậy, công việc của GV trong làm việc nhóm của sinh viên không bao giờ là thừa, trái lại đó là sự cần thiết để giúp các em rèn luyện KN, nhờ đó mà hoạt động nhóm đạt hiệu quả cao hơn. Vì vậy, SV cũng bày tỏ nguyện vọng mong muốn GV thực sự quan tâm hơn nữa khi tổ chức học theo nhóm.

* Về phía Sinh viên

Bảng 3: Các yếu tố thuộc về sinh viên ảnh hưởng đến kỹ năng làm việc nhóm

Stt	Các yếu tố ảnh hưởng	SL	Tỷ lệ
1	SV chưa nhận thức rõ vai trò của kỹ năng làm việc nhóm	79	48,7
2	SV chưa tích cực tham gia làm việc nhóm	64	39,5
3	SV chưa có ý thức rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm	48	30,2
4	Xác định mục tiêu, nhiệm vụ làm việc nhóm không rõ ràng	42	25,9
5	SV tham gia làm việc nhóm còn nặng tính hình thức	58	35,8

Kết quả ở bảng 3 cho thấy “sinh viên chưa nhận thức rõ vai trò của kỹ năng làm việc nhóm” và “SV chưa tích cực tham gia làm việc nhóm” là các yếu tố được SV đánh giá ảnh hưởng nhiều nhất đến việc hình thành KN làm việc nhóm. Qua trao đổi với một số GV, thầy cô nhận xét, đôi khi các em cũng tổ chức học nhóm nhưng chỉ mang hình thức đối phó... do đó học nhóm chưa thật sự mang lại hiệu quả. Việc dạy và học ở Đại học nhấn mạnh đến sự tự giác và chịu trách nhiệm về kết quả học tập của mỗi cá nhân dẫn đến cách học ở Đại học luôn xoay quanh vấn đề làm sao để tự nỗ lực mà đạt kết quả học tập cao nhất và vì vậy cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên

3. Các biện pháp nâng cao hiệu quả làm việc nhóm cho SV Trường Đại học Hà Tĩnh

Nhà trường nên tổ chức các buổi ngoại khóa bồi dưỡng cho sinh viên về “Kỹ năng làm việc nhóm”; chú trọng công tác nâng cấp và bổ sung trang thiết bị phục vụ dạy và học, tạo môi trường để thầy và trò có điều kiện thuận lợi phát huy hết hiệu quả của phương pháp đào tạo tín chỉ cụ thể là: bổ sung kịp thời tài liệu, giáo trình phục vụ nghiên cứu và giảng dạy mới; tạo diễn đàn khuyến khích sinh viên mạnh dạn trao đổi, học hỏi lẫn nhau; nâng cấp hệ thống mạng Internet tạo điều kiện thuận lợi trong công

tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu của giảng viên và sinh viên; thiết lập các phòng đọc theo chuyên đề phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và phòng học nhóm tạo môi trường học nhóm cho sinh viên.

Nhà trường và giảng viên đứng lớp cần nhắc nhở, thường xuyên khuyến khích sinh viên áp dụng phương pháp học tích cực - đó là phương pháp tự học và học cái cốt lõi là chính để phát huy tính năng động, sáng tạo của SV. Giảng viên xây dựng các đề tài, bài tập nhóm một cách phong phú và đa dạng. Cần tăng cường đội ngũ giảng viên chuyên môn tại trường đủ về số lượng và mạnh về chất lượng để ngày càng đáp ứng nhiều hơn nhu cầu học tập của sinh viên. Giảng viên giảng dạy cần thường xuyên tự trau dồi kiến thức chuyên môn, cập nhật các kiến thức để cung cấp cho sinh viên những kiến thức hữu ích nhất, đồng thời thường xuyên nhắc nhở và hướng dẫn sinh viên phương pháp tự nghiên cứu, tự học cho hiệu quả đạt cao nhất. Tạo cho sinh viên cơ hội cộng tác và làm việc theo nhóm, giúp họ làm quen với việc hợp tác, với việc tôn trọng quan điểm của nhau, biết cách thỏa thuận, đàm phán để đạt tới mục đích chung. Giảng viên cần có sự kiểm tra - đánh giá kết quả hoạt động nhóm một cách rõ ràng, chính xác, công khai và thường xuyên quan tâm tới việc rèn luyện các kỹ năng hoạt động nhóm cho sinh viên.

Sinh viên cần phải thay đổi lại cách tư duy, cách suy nghĩ trong học tập. Để làm được điều đó thì cần có sự nhìn nhận, đóng góp ý kiến thẳng thắn của nhóm trưởng, các thành viên tích cực ở trong nhóm. Mọi thành viên trong nhóm cần phải có một sự tôn trọng khi ai đó trình bày quan điểm, ý kiến. Giữa các thành viên với nhau nên có sự động viên, sự khen ngợi khi ai đó làm được gì hay, kể cả các bạn đóng góp ít thì cũng tìm cách khen ngợi khích lệ nhau.

KẾT LUẬN

Trên đây là những phân tích, đánh giá tổng quát về thực trạng làm việc nhóm và một số giải pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả làm việc nhóm cho sinh viên Trường Đại học Hà Tĩnh. Làm việc nhóm là tiền đề để sinh viên có khả năng thích ứng cao với môi trường làm việc đa dạng, tạo cho sinh viên làm việc một cách chuyên nghiệp, chủ động, sáng tạo và hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ánh Hồng (2004), “*Một số vấn đề về hoạt động nhóm của sinh viên*”, Tạp chí phát triển Giáo dục, (số 2).
2. Nguyễn Thị Oanh (2007), *Làm việc theo nhóm*, NXB Trẻ.
3. Kiều Ngọc Quý (2009), *Tổ chức học tập hợp tác nhằm nâng cao hiệu quả phương pháp dạy học theo nhóm tại lớp Giáo dục K08-Khoa Giáo dục trường Đại học KHXH và NV tp. Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học.
4. Huỳnh Văn Sơn (2009), *Nhập môn kỹ năng sống*, NXB Giáo dục.

NHỮNG BÀI HỌC VỀ Ý CHÍ TRONG NHÂN CÁCH HỒ CHÍ MINH

Th.S Nguyễn Thị Thu Phương

TÓM TẮT

Dân tộc Việt Nam đầy tài năng và ý chí đã sản sinh ra Hồ Chí Minh - người không lờ về ý chí và tài năng. Một dân tộc đã viết nên những trang sử oai hùng trong điều kiện vô cùng khó khăn, phải đương đầu với kẻ thù to lớn gấp nhiều lần; dân tộc đó phải có ý chí sắt thép mới làm nên được những kỳ tích lớn lao như vậy. Thời đại anh hùng đã sản sinh ra con người anh hùng. Hồ Chí Minh - người đã góp nhặt những tinh hoa và ý chí của dân tộc để tạo nên ý chí của mình.

Từ khóa: Ý chí, nhân cách

ĐẶT VẤN ĐỀ

Người có đạo đức cách mạng là người có phẩm chất độc lập ý chí. Họ không làm theo người khác một cách mù quáng. Mọi hành động phải được sự soi sáng của ý thức và niềm tin vào lẽ phải, vào chính nghĩa và phải kiên trì thực hiện đến cùng. Đạo đức cách mạng tạo môi trường cho việc rèn luyện ý chí, nó là động cơ mạnh mẽ tạo nên ý chí lớn lao. Ngược lại, ý chí tạo sức mạnh, tạo tinh thực tiễn cho bộ mặt đạo đức cách mạng của con người. Vì vậy, muốn rèn luyện đạo đức cách mạng phải rèn luyện ý chí cách mạng.

NỘI DUNG

1. Hồ Chí Minh, con người của ý chí và nghị lực phi thường

Trong bối cảnh đất nước lâm than, rên xiết dưới ách nô lệ của thực dân Pháp, người thanh niên Nguyễn Tất Thành cũng như bao nhiêu người tiến bộ khác đã ra đi tìm đường cứu nước. Nhưng biết đi về đâu? Con đường của cụ Phan Bội Châu, cụ Phan Chu Trinh..., theo nhận thức của anh thanh niên Nguyễn Tất Thành không thể đem lại độc lập cho dân tộc. Việc nhận ra sự sai lầm trong con đường cứu nước của các bậc tiền bối và quyết tâm ra đi tìm con đường mới không chỉ là sự nhận thức của một đầu óc sáng suốt mà còn là sự thể hiện của một bản lĩnh, ý chí phi thường. Ý chí là yếu tố tiên quyết giúp Hồ Chí Minh tìm ra con đường cứu nước đúng đắn. Trong sào huyệt của chủ nghĩa thực dân, Nguyễn Ái Quốc đã dám công khai lên án chúng đối xử tàn bạo với người bản xứ. Lời phát biểu tại Đại hội Tua và tham luận về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa tại Đại hội V Quốc tế cộng sản là những văn kiện đầu tiên trong những hoạt động của người tại nước ngoài. Người đã dũng cảm và thẳng thắn vạch tội bọn thực dân. Người nói: Tôi đến đây với tư cách là đảng viên đảng xã hội để phản đối bọn đế quốc đã gây ra tội lỗi tày trời trên quê hương của tôi. Rõ ràng, ngay từ buổi đầu

trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh là con người của ý chí chính trị khổng lồ của thời đại chúng ta.

Trong những năm người hoạt động cách mạng ở Thái Lan, ở Trung Quốc, ý chí chính trị đó vẫn tiếp tục chiếm lĩnh tâm hồn người. Những ngày ở trong nhà tù của Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch, người vẫn thể hiện ý chí kiên cường, vẫn ung dung thanh thản như một ông tiên trong tù: vẫn đánh cờ, vẫn làm thơ... Nhà tù đế quốc không giam hãm được tinh thần bất khuất của người:

"Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao,
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao".

Mục đích lớn tạo nên ý chí lớn. Thoát khỏi nhà tù của Tưởng Giới Thạch, người trở về Việt Nam chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền. Ý chí của người được thể hiện rõ trong việc thực hiện mục đích ấy. Trong những ngày đầu cách mạng Tháng 8, chính quyền ta còn trong trứng nước, phải đối mặt với thù trong giặc ngoài, nhờ có thiên tài và ý chí của Hồ Chí Minh, cách mạng Việt Nam đã vượt qua được những khó khăn, thử thách. Dù ở hoàn cảnh nào, người cũng bình tĩnh, sáng suốt để thực hiện mục đích cuối cùng:

"Kiên trì và nhẫn nại
Không chịu lùi một phân
Vật chất dù đau khổ
Không nao núng tinh thần".

Đó là ý chí: "Dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng kiên quyết giành cho được độc lập", "Quyết tử cho tổ quốc quyết sinh", "Quyết đem cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập". Ý chí của người không chỉ là ý chí sắt đá, mà nó còn biểu hiện sức mạnh của lòng dũng cảm và ý chí kiên cường: "Trợn mắt coi khinh nghìn lực sỹ"; "Dù phải chiến đấu năm năm, mười năm, hai mươi năm hoặc lâu hơn nữa, chúng ta cũng kiên quyết chiến đấu cho đến thắng lợi cuối cùng".

Nhân cách Hồ Chí Minh là một ý chí khổng lồ. Đó là ý chí của tính độc lập, tự chủ, tự cường, của lòng can đảm, chí kiên trì cho mục đích cao cả vì sự nghiệp độc lập và tự do của tổ quốc ta. Hồ Chí Minh là sự kết tinh ý chí quật cường của dân tộc ta và cũng là người đem lại sinh khí cho ý chí đó. Bằng tấm gương rèn luyện ý chí của mình, người đã để lại cho nhân dân ta những bài học vô cùng quý giá.

2. Những bài học về ý chí trong nhân cách Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh cho rằng ý chí bao giờ cũng gắn liền với một tinh thần, một ý thức nhất định. "Muốn quyết tâm thì phải có tinh thần: yêu tổ quốc, yêu đồng bào, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu lao động, yêu khoa học và kỹ thuật".

Trong quá trình sống và hoạt động, con người ta có những khi hành động bột phát, không có ý thức tham gia vào quá trình hành động của mình, phản ứng ngay lập tức trước những tác động bên ngoài mà không có sự suy nghĩ đối chiếu với đạo đức và hoàn cảnh. Khi gặp trạng thái căng thẳng, khi xúc động quá mạnh, khi say mê quá độ, khi có tình huống khẩn cấp, người ta thường hành động thiếu suy nghĩ, thiếu ý thức. Hành động bột phát diễn ra theo nguyên tắc cứ có kích thích là có phản ứng. Ai cũng có lúc hành động bột phát, nhất là những người có kiêu khí chất nóng nảy, ít có khả năng kiềm chế. Những người thiếu ý thức, thiếu tinh thần, có nghĩa là thiếu ý chí cũng thường hành động bột phát.

Vì vậy, muốn hành động có kết quả, phải thực hiện hành động có ý chí. Có nghĩa là hành động đó phải có mục đích, động cơ, có biện pháp thực hiện, hành động đó phải gắn liền với cái tinh thần, tức là ý thức mà Hồ Chí Minh đã chỉ ra. Nhờ tinh thần đó mà con người có ý thức với hành động của mình, dám chịu trách nhiệm trước các quyết định của mình. Con người phải tính toán, suy nghĩ, cân nhắc khi hành động. Chính vì vậy, có thể khẳng định, ý chí được sinh ra từ cái tinh thần, ý thức ấy.

Hồ Chủ Tịch đã dạy: “Có chí làm thì quyết tìm được việc làm và quyết làm được việc”. Nhờ có ý chí mà con người tích cực trong hoạt động, điều khiển hành vi của mình cho phù hợp với mục đích. Có ý chí làm cho con người chủ động, sáng tạo, không ỷ lại, ngồi chờ. Nếu có ý chí, khi tìm được việc làm rồi thì nhất định sẽ đạt được thành công trong công việc. Ý chí mách bảo cho mình tìm ra các phương pháp để thực hiện hành động đạt mục đích.

Trong quá trình thực hiện hành động, con người bao giờ cũng gặp phải những khó khăn nhất định: cả khó khăn bên ngoài lẫn khó khăn bên trong. Khó khăn bên ngoài có thể là những yếu tố do hoàn cảnh xã hội, tự nhiên.... Còn những khó khăn bên trong là những trở ngại về mặt tâm lý, thiếu năng lực, thiếu phẩm chất đạo đức, thiếu nhiệt tình, nhu cầu và hứng thú của bản thân không phù hợp. Muốn vượt qua những khó khăn, trở ngại đó, theo Hồ Chủ Tịch:

“Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên”.

Cuộc sống của con người, dù là với bất cứ cá nhân nào đều trải qua những khó khăn nhất định. Chỉ có ý chí, sự nỗ lực của bản thân mới có thể vượt qua được những khó khăn đó. Nhưng muốn nỗ lực ý chí, con người phải tiến hành một quá trình đấu tranh động cơ. Trong một thời điểm, con người có thể có nhiều nguyện vọng, nhiều nhu cầu khác nhau, thậm chí là trái ngược nhau, nhưng chỉ có thể hành động theo một mục đích nhất định nào đó. Vì vậy, phải chọn một nguyện vọng, một nhu cầu phù hợp. Cuộc đấu tranh động cơ diễn ra gay gắt. Trong quá trình đấu tranh động cơ, con người

phải gạt bỏ những nhu cầu không cần thiết hoặc không phù hợp với đạo đức xã hội, chỉ chọn những nhu cầu nào phù hợp giữa mục đích cá nhân và mục đích xã hội. Cuộc đấu tranh động cơ có khi đơn giản nhưng cũng có khi rất phức tạp. Nhất là đối với cuộc đấu tranh về tư tưởng, tình cảm, giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội, giữa cái đúng và cái sai, giữa cái tiên tiến và cái lạc hậu, giữa cái thiện và cái ác, giữa cái cũ và cái mới. Nhưng cuối cùng động cơ nào cấp thiết nhất được giữ lại, chi phối hành động con người. Để đấu tranh động cơ thắng lợi, người đã căn dặn: Chớ rượu chè, cờ bạc, trai gái, hút thuốc phiện, chớ xa xỉ, tham ô, lãng phí... Cái gì trái với quyền lợi tổ quốc, chúng ta kiên quyết chống, người nào phạm đến lợi ích của nhân dân chúng ta kiên quyết chống lại...

Tốc độ đấu tranh động cơ phụ thuộc vào nhu cầu, tình cảm, tư duy, đạo đức, vào các điều kiện chủ quan và khách quan. Trong cuộc đấu tranh động cơ thường xảy ra xung đột. xung đột giữa cái tôi thấp hèn và cái tôi cao cả. Xung đột giữa những nhu cầu bản năng, những dục vọng, những cái mà con người không ý thức được đầy đủ và những nguyên tắc đạo đức, những luật lệ, những giá trị xã hội. Nếu cái tôi thấp hèn thắng thì con người hành động không theo ý chí mà hành động theo bản năng. Nếu như có sự hòa hợp giữa cái tôi thấp hèn và cái tôi cao cả, nghĩa là cái tôi cao cả lấn át được cái tôi thấp hèn thì nhân cách con người trở lại bình thường, con người thực hiện được hành động có ý chí. Nhờ có ý chí mà con người biết kìm hãm những nhu cầu, khát vọng không chính đáng để xây dựng cái tôi chân chính. Hồ Chí Minh dạy thanh niên, muốn trở thành người thanh niên tốt, “phải chống tâm lý tư lợi, chỉ lo lợi ích riêng và sinh hoạt riêng của mình, chống tâm lý ham sung sướng và tránh khó nhọc.... chống lười biếng, xa xỉ, chống sinh hoạt ủy mị, chống kiêu ngạo, giả dối, khoe khoang”.

Cuộc đấu tranh động cơ này đối với người này thì dễ dàng nhưng đối với người khác thật khó khăn. Nhu cầu cá nhân mâu thuẫn với nhu cầu xã hội càng lớn thì sự xung đột trong nội tâm càng cao. Điều đó đúng với những người có một nhân cách, một ý chí nhất định - những người này trải qua cuộc đấu tranh động cơ sẽ chọn cho mình một hướng hành động. Nếu như một người nhân cách kém, thiếu đạo đức thì họ sẽ không có cuộc đấu tranh động cơ. Họ sẽ không có cuộc xung đột nội tâm, nhắm mắt chọn bừa con đường đi theo nhu cầu của cá nhân mình mà không tính đến lợi ích của người khác. Đối với những người này, ý chí không xuất hiện.

Tóm lại, ý chí của Hồ Chí Minh được thể hiện trong tinh thần, ý thức của người, đó chính là sự nỗ lực khắc phục những khó khăn trở ngại trong quá trình đấu tranh động cơ, thực hiện mục đích đã đặt ra. Ý chí Hồ Chí Minh là ý chí chính trị, phục vụ cho mục đích chính trị - giải phóng dân tộc khỏi sự bóc lột của thực dân đế quốc, đem lại ấm no và hạnh phúc cho nhân dân, xây dựng một xã hội công bằng văn minh.

Cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh là một di sản vô tận về những bài học ý chí.

Bài học lớn đầu tiên là bài học về tự rèn luyện ý chí.

Con đường phát triển của Hồ Chí Minh không dễ dàng, thuận lợi mà trải qua bao gian nan, thử thách. Nhờ tự rèn luyện, tự giáo dục mà người vượt qua tất cả. Từ trong cuộc đời thực, người rút ra bài học:

"Gạo đem vào giã bao đau đớn
Gạo giã xong rồi trắng tựa bông
Sống ở trên đời người cũng vậy
Gian nan rèn luyện mới thành công"

Tự rèn luyện là sự cố gắng, quyết tâm một cách tự giác và độc lập theo nhận thức của mình để hoàn thiện nhân cách. Bản thân mỗi người phải tự tìm con đường đi của chính mình, tự tìm lấy phương pháp hay nhất, tối ưu nhất để thực hiện mục đích. Quá trình này đòi hỏi con người phải có nghị lực khắc phục những thói hư tật xấu, những phẩm chất tâm lý không phù hợp với nhiệm vụ của xã hội. Việc tự rèn luyện ý chí không phải dễ dàng. Bản thân cá nhân phải hiểu mình và thường xuyên kiểm tra những hành động của mình cũng như kết quả thực hiện hành động đó.

Nhờ tự rèn luyện ý chí mà Hồ Chí Minh đã vượt lên trên tầm nhìn của các nhà cách mạng lúc bấy giờ và cuối cùng đã thực hiện được lý tưởng của mình. Nếu không có ý chí hòa nhập vào phong trào chính trị ở Châu Âu, ở Liên Xô, ở Trung Quốc cũng như phong trào chính trị trong nước thì sẽ không có tầm nhìn Hồ Chí Minh. Ý chí tạo cho Người một nhãn quan chính trị sáng suốt. Vì vậy, trong quá trình hoạt động cách mạng, có nhiều vấn đề rất phức tạp tưởng chừng như khó có thể vượt qua, vậy mà Người đã tìm ra hướng đi và cách giải quyết có hiệu quả.

Lịch sử nhân loại đã chứng minh, các vĩ nhân đều là những tấm gương về tự rèn luyện ý chí: Các Mác; Lênin; Hồ Chí Minh;... Điều này hoàn toàn đúng với tư tưởng của L.Tônxtôi: "Thiên tài chỉ là một phần trăm, chín mươi chín phần trăm còn lại là do rèn luyện".

Trong quá trình tự rèn luyện ý chí, Hồ Chí Minh đã tự khẳng định vị trí của mình và đã dành được đỉnh cao vinh quang của vị trí ấy.

Bài học thứ hai về rèn luyện ý chí là phải gắn liền giữa mục đích, biện pháp và hành động thiết thực.

Người dạy: "Phương hướng một, quyết tâm mười, biện pháp thực hiện ba mươi". Ý chí của Hồ Chí Minh đưa ra không phải là ý chí luận. Ý chí đó gắn liền với thực tiễn. Phải căn cứ vào kết quả việc làm của cá nhân để đánh giá ý chí của họ. Người dạy: nếu đảng viên có tư tưởng và hành động không nhất trí thì khác nào một mớ cát rời "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược". Việc rèn luyện ý chí phải tiến hành thường xuyên hàng ngày, phải bền bỉ và kiên trì, phải thể hiện từ việc nhỏ đến việc lớn, phải cụ thể và thiết thực. Người nêu ra biện pháp: "Cán bộ lãnh đạo cần phải chống bệnh quan liêu, chống cách lãnh đạo chung chung. Cần phải đi sâu, đi sát, điều tra nghiên cứu, cần phải khuyến khích, thu góp, bổ sung và phổ biến rộng rãi những

sáng kiến hay, những kinh nghiệm tốt của quần chúng. Cần phải lãnh đạo toàn diện và cụ thể". Rèn luyện ý chí cũng là cuộc cách mạng trong mỗi cá nhân, vì nó đặt mục đích ý chí là mục đích của toàn xã hội và việc thực hiện ý chí bằng hành động cụ thể là góp phần thúc đẩy sự phát triển xã hội. Muốn làm cách mạng trong ý chí - kiên quyết xóa bỏ cái cũ, cái lạc hậu, thật sự đổi mới thì trước hết phải "cách mạng trong từng người, trong từng gia đình" như Hồ Chí Minh đã dạy.

Bài học thứ ba, việc rèn luyện ý chí phải gắn liền với rèn luyện những phẩm chất đạo đức cách mạng; nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm.

Quá trình rèn luyện đạo đức cách mạng đòi hỏi con người phải có ý chí, phải rèn luyện các phẩm chất ý chí: tính độc lập, tính tự chủ, tính mục đích, tính kiên trì, tính dũng cảm..

Hồ Chí Minh nhiều lần nhắc nhở cán bộ, bộ đội, thanh niên, phụ nữ, các cháu thiếu niên, nhi đồng rèn luyện những phẩm chất này. Có thể nói, Hồ Chí Minh dùng rất nhiều từ chỉ phẩm chất ý chí (dũng cảm, kiên trì, độc lập, tự chủ...) từ những bài viết đầu tiên của Người trong những năm 1921- 1926 đến bản Di chúc cuối cùng của cuộc đời Người để lại cho muôn thế hệ sau.

KẾT LUẬN

Người có đạo đức cách mạng là người có phẩm chất độc lập ý chí. Họ không làm theo người khác một cách mù quáng. Mọi hành động phải được sự soi sáng của ý thức và niềm tin vào lẽ phải, vào chính nghĩa và phải kiên trì thực hiện đến cùng. Đạo đức cách mạng tạo môi trường cho việc rèn luyện ý chí, nó là động cơ mạnh mẽ tạo nên ý chí lớn lao. Ngược lại, ý chí tạo sức mạnh, tạo tính thực tiễn cho bộ mặt đạo đức cách mạng của con người. Vì vậy, muốn rèn luyện đạo đức cách mạng phải rèn luyện ý chí cách mạng.

Ngày nay, chúng ta ôn lại những bài học về ý chí của Hồ Chí Minh là nhắc nhở chúng ta kế thừa một di sản văn hóa của nhân loại - Hồ Chí Minh - con người khổng lồ về tư tưởng, đạo đức, ý chí, tài năng của thời đại chúng ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Nguyễn Ngọc Bích (1998), Tâm lý học nhân cách - một số vấn đề lý luận, NXB Giáo Dục.

[2] Phạm Minh Hạc (1996), Mười năm đổi mới giáo dục, NXB Giáo Dục.

[3] Đỗ Long (1995), Hồ Chí Minh - những vấn đề tâm lý học, Viện TLH Hà Nội.

[4] A.N. Leonchiev (1989), Hoạt động - ý thức - nhân cách, NXB Giáo Dục.

[5] Hồ Chí Minh (1976), Về đạo đức cách mạng, NXB Sự Thật, Hà Nội.

[6] Hồ Chí Minh (1975), Về vấn đề cán bộ, NXB Sự Thật, Hà Nội

[7] Hồ Chí Minh (1977), Về giáo dục thanh niên, NXB Thanh niên.

PHẨM CHẤT CỦA NGƯỜI THẦY TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

TS. Nguyễn Văn Tịnh

TÓM TẮT

Bài viết tổng quan đánh giá vai trò, giá trị của người thầy trong lịch sử phát triển của nhân loại và dân tộc Việt Nam từ các tài liệu khoa học; những yêu cầu đặt ra đối với người thầy trong xã hội hiện đại và những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với nhà giáo.

Từ khóa: Người thầy; vai trò, vị trí của người thầy.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Bất kỳ thời đại nào, người thầy cũng luôn được nhân dân tôn trọng, tôn kính và ngưỡng mộ. Chính học là những người đã chạm vào cuộc đời những học trò của mình bằng bề nghệ thuật dạy học mênh mông và nghệ thuật khơi dậy ngọn lửa tìm tòi, sáng tạo.

NỘI DUNG

1. Người thầy trong dòng chảy lịch sử

Hình ảnh Thầy đồ dẫu “đã chết với thời tàn”, nhưng những gì linh thiêng, cao đẹp mãi mãi hóa thân vào giá trị tinh thần, văn hóa Việt Nam đã được khắc họa trong tâm hồn của Vũ Đình Liên - nhà thơ, nhà giáo Nhân dân, nhưng trước hết là “Ông đồ” của “*Những người muôn năm cũ/ Hồn ở đâu bây giờ?*”. Họ cũng là biểu tượng của nền văn hoá Nho học, góp phần quan trọng trong việc đào tạo nhân tài cho đất nước, cũng như hun đúc, rèn luyện, hình thành nên tính cách đặc trưng và bản lĩnh Việt Nam: “Lung đeo gươm tay mềm mại bút hoa”. Câu hỏi tu từ đó còn bộc lộ cảm xúc mãnh liệt: *nỗi nhớ, tiếc, thương đau...* trong cõi lòng Việt Nam về thời đại “Ông đồ” đã đi qua!

Trong kho tàng văn học dân tộc đã có nhiều câu hay về vai trò của người thầy trong sự nghiệp trồng người “*Muốn sang thì bắc cầu kiều. Muốn con hay chữ, phải yêu kính thầy*”, “*Không thầy đố mày làm nên*”, “*Nhất tự vi sư, bán tự vi sư*”.

J. A. Comenski, nhà giáo dục Tiệp Khắc, ông Tổ của ngành Sư phạm viết: “*Dưới ánh sáng mặt trời này không có nghề gì vinh quang hơn nghề dạy học*”. Thầy giáo là cái gạch nối giữa nền văn hóa dân tộc và nhân loại, như K.D. Usinski, người thầy của những người thầy khẳng định: “*Thầy giáo - đó là người trung gian giữa những nhân vật cao thượng và vĩ đại của lịch sử và thế hệ mới, là người giữ gìn những lời di huấn thiêng liêng của những người đấu tranh cho chân lý và hạnh phúc. Người thầy giáo là cái khâu sống giữa quá khứ và tương lai. Sự nghiệp của người thầy giáo bề ngoài tuy bình thường, nhưng đó là sự nghiệp vĩ đại nhất trong lịch sử*”.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh - người thầy, Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá kiệt xuất của thế kỷ XX, khẳng định: “Không có thầy giáo thì không có giáo dục... Không có giáo dục, không có cán bộ thì cũng không nói gì đến kinh tế, văn hoá”.

Trong tác phẩm “Ý nghĩa của thầy giáo” của Jean Marie Guyau (1854-1888) nhà giáo - nhà triết học Pháp viết: “Trong lớp khi các em đang ngồi học, mắt không rời sách thì người thầy quan sát học sinh. Thầy ngắm những khuôn mặt trẻ thơ chăm chú, những mái đầu cặm cụi vào công việc. Thầy thăm lặng ngắm nghĩ:

- Các con ơi ! Các con là gia đình tươi trẻ của ta, là gia đình nuôi dưỡng ta hàng năm đổi mới, hôm nay tụ hội quanh ta, cuối năm phần lớn mỗi người mỗi ngả. Nhưng, dù gần cận hay dù xa xăm, trái tim ta vẫn hướng theo các con. Các con thân thiết đã được phó thác cho ta chăm sóc ơi ! Các con không hiểu hết được đâu, thầy giáo của các con quý mến các con biết đến chừng nào ? Yêu các con, ta yêu cả gia đình các con, vì các con là niềm vui của gia đình. Yêu các con, ta yêu tổ quốc , vì các con là niềm hi vọng của non sông, Ta sống bình thường, rồi cũng nhắm mắt xuôi tay một cách bình thường. Song, nếu như ta còn để lại được trong tâm trí các con những tư tưởng đúng đắn và chính yếu, thì đối với ta, đó là một phần thưởng rất êm mát, một vinh dự lớn lao. Một mai ta không còn trên đời này nữa, khi các con đã trưởng thành, có lẽ các con sẽ quên đi một người thầy giáo của các con thời thơ ấu; nhưng, thầy vẫn còn ở lại nhỏ nhoi trong các con mà các con chẳng nghĩ tới bao giờ. Mỗi một khi các con đọc, người thầy dạy các con tập đọc xưa kia cũng có phần mình trong đó. Mỗi một khi các con viết, người thầy bắt tay cho các con cầm bút có trong đó phần mình. Mỗi một khi các con nghĩ đến nghĩa vụ, đến Tổ quốc đang trong mong hạnh phúc ở các con, thì người thầy đã dạy dỗ các con như có tham gia vào những tư tưởng máu chót mà thầy đã tung gieo nơi các con ngày còn trúng nước. Không ! Ta không đi xa hết cả, ta vẫn còn sống với các con như là thế đó! Các con ơi! Thầy giáo của các con yêu quý các con mãi mãi. Đối tâm lòng này thầy mong gì ở các con ? Chỉ cần các con để tâm ít nhiều vào những điều thầy dạy, coi trọng ít nhiều những bài học thầy đã dạy. Và, nếu có lòng tốt thì các con nghĩ đến thầy một chút là đủ lắm rồi”.

Nhà văn Xuân Trình (1936-1991) viết: “Tôi muốn nói với các em một điều: các em ngày mai lớn lên ai chẳng có một sự nghiệp? Và trong số các em sao lại chẳng có những anh hùng? Khi ấy, hãy nhìn lại mà xem; trong sự nghiệp mà chúng ta đã làm, đừng bao giờ quên một tia lửa hồng mà người thầy giáo thân yêu của chúng ta đã nhen lên trong lòng chúng ta ngay từ những ngày thơ ấu”.

Chúng ta không bao giờ quên những người thầy đã có những công lao đối với sự nghiệp dựng nước và giữ nước, với sự phát triển của đất nước từ trước tới nay.

Đó là thầy Chu Văn An, “ngôi sao Bắc đẩu” luôn lung linh, tỏa sáng, đã từng phụ trách trường Quốc Tử Giám; thầy giáo La sơn phu tử Nguyễn Thiếp giữ chức Viện trưởng Viện sùng chính; thầy giáo Lê Văn Hưu đã biên soạn bộ Đại Việt sử kí;

thầy Lê Quý Đôn là tác giả 2 bộ sách “Kiến văn tiểu lục” và “Vân đài loại ngữ”; thầy Phan Huy Chú là soạn giả bộ sách “Lịch triều hiến chương loại chí”...

Đó là thầy Nguyễn Sĩ Duyên không đi thi để làm quan chỉ ở nhà dạy học và đã dạy cho 5 người em ruột của mình đều đỗ tiến sĩ là: Nguyễn Nhân Phùng, Nhân Thiếp, Nhân Bị, Nhân Dư, Nhân Đạc. Thầy giáo Ngô thì Úc, chỉ đỗ hương cống, nhưng con cháu của thầy như Ngô Thì Sĩ, Ngô Thì Nhậm đều là bậc đại khoa và cả dòng họ đã đóng góp nhiều công trình quý giá và rạng rỡ Ngô gia văn phái”...

Đó là Lý Công Ân là thầy của anh Anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt; Nguyễn Thúc Tụ là thầy của nhiều chí sĩ cách mạng như Phan Bội Châu, Đặng Nguyên Cẩn, Ngô Đức Kế...

Chúng ta tự hào với tên tuổi của những người thầy là nữ giới: Nguyễn Thị Lộ là một nữ sĩ có công rèn cặp cho lớp trẻ; bà giáo Ngô Chi Lan vừa có tài văn chương vừa có tài âm nhạc được vua Lê Thánh Tông phong là “Phù gia học sĩ” phụ trách việc dạy học ở cung đình; bà Đoàn Thị Điểm và cháu Đoàn Lệnh Khương đều là những nhà giáo có tiếng; Nguyễn Thị Hình tức bà huyện Thanh Quan vừa có tài văn chương vừa có tài giảng dạy...

Về sau các là các tên tuổi phải kể đến nhà giáo, các nhà khoa học, nhà văn hóa Lê Văn Thiêm, Nguyễn Văn Huyền, Tạ Quang Bửu, v.v...

Trên thế giới có rất nhiều người thầy vĩ đại, đáng ngả mũ nghiêng mình như A.S. Makarenko với tác phẩm nổi tiếng “Bài ca sư phạm”, A. Sukhomlinsky với “Trái tim tôi hiến dâng cho trẻ”.

Rõ ràng, người thầy có một vị trí hết sức quan trọng trong sự nghiệp trồng người không những ở nước ta mà cả trên toàn thế giới. Do vậy tháng 7 năm 1946, một tổ chức quốc tế các nhà giáo tiến bộ được thành lập ở Paris đã lấy tên là Liên hiệp quốc tế các công đoàn giáo dục (*tiếng Pháp: Fédération Internationale Syndicale des Enseignants - FISE*). Năm 1949, tại một hội nghị ở Warszawa (thủ đô của Ba Lan), Liên hiệp quốc tế các công đoàn giáo dục đã ra bản "*Hiến chương các nhà giáo*" gồm 15 chương với nội dung chủ yếu là đấu tranh chống nền giáo dục tư sản, phong kiến, xây dựng nền giáo dục trong đó bảo vệ những quyền lợi của nghề dạy học và nhà giáo, đề cao trách nhiệm và vị trí của nghề dạy học và nhà giáo. Công đoàn giáo dục Việt Nam, là thành viên của FISE từ năm 1953 (hội nghị có 57 nước tham dự), đã quyết định trong cuộc họp của FISE từ 26 đến 30 tháng 8 năm 1957 tại Warszawa, lấy ngày 20 tháng 11 năm 1958 là ngày "*Quốc tế hiến chương các nhà giáo*".

Kế theo, ngày 28/09/1982 Hội đồng Bộ trưởng đã ra quyết định số 167/HĐBT lấy ngày 20 tháng 11 làm ngày Nhà giáo Việt Nam. Đây là sự thể hiện sâu sắc, đầy trách nhiệm của Đảng và Nhà nước đối với sự nghiệp Giáo dục. Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định thầy giáo là người “quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo”,

“Giáo dục là quốc sách, hàng đầu”, “Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển”...

Vì vậy, thời gian qua, Đảng, Nhà nước ta đã có những chủ trương, chính sách để phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, tôn vinh nghề dạy học: sinh viên sư phạm không phải đóng học phí, tổ chức vinh danh các nhà giáo ưu tú, đạt thành tích xuất sắc trong dạy học và nghiên cứu khoa học....

2. Những yêu cầu đối với người thầy trong xã hội hiện đại

Không phải tất cả mọi người đều có thể trở thành giáo viên. Người giáo viên phải được đào tạo, kết tinh được những phẩm chất và năng lực nhất định. Ai đó thiếu lý tưởng và niềm tin, ích kỷ và hẹp hòi; vô cảm và nhẫn tâm; trình độ phát triển trí tuệ thấp; thiếu nghị lực và khả năng kiểm chế, v.v... thì không nên theo nghề dạy học.

Trước hết, phải có lí tưởng nghề nghiệp; tình cảm đạo đức trong sáng; yêu người, yêu nghề, bởi vì *“Tình yêu là một tình cảm vĩ đại nhất, nó sáng tạo nên điều kỳ diệu, sáng tạo nên những con người mới, nó làm ra những giá trị vĩ đại nhất”* (A.C. Makarenco), *“Một nhà giáo dù có trình độ chuyên môn cao, có tay nghề vững, nhưng không yêu nghề thì bài giảng trở nên máy móc, khô cứng, ít truyền cảm, không phát huy được tay nghề của mình”* (Vũ Dương); biết tự kiểm chế, cân bằng trong tình cảm, bình tĩnh trong xử sự là một yêu cầu quan trọng và cần thiết trong hoạt động sư phạm.

Theo C Mác, *“Những sự nghiệp vĩ đại và đẹp đẽ nhất chỉ có thể phát sinh từ tính điềm đạm; nó là mảnh đất duy nhất mà trên đó có thể mọc lên những hoa thơm và trái ngọt”*.

Lao động sư phạm là loại lao động trí óc chuyên nghiệp. Vì vậy, hơn ai hết người giáo viên phải có sức khoẻ tốt. GS.TS Khoa học A.V. Mudris lưu ý: *“Nếu bác sỹ kết luận rằng, thể chất của bạn không được tốt, thì tôi có lời khuyên chân thành: tốt hơn hết bạn không nên chọn nghề dạy học”*. Về vấn đề này, Điều 70 của Luật Giáo dục Việt Nam quy định nhà giáo phải: *“Đủ sức khoẻ theo yêu cầu nghề nghiệp”*.

Muốn “Thầy ra thầy”, nhà giáo phải có tri thức và tầm hiểu biết rộng. Điều đáng sợ nhất, bi kịch nhất đối với giáo viên là học sinh hoài nghi về vốn tri thức của bản thân, chính vì thế J. A. Comenski đã từng cảnh báo: *“Những giáo viên dốt nát là những bóng ma không hồn, là đám mây không mang mưa, là dòng suối khô cạn, là ngọn đèn không ánh sáng và đương nhiên đó là những khoảng trống”*

Lao động sư phạm cần có các kỹ năng nghề nghiệp: Đó là giao tiếp và ứng xử khéo léo trong các tình huống giáo dục với mọi đối tượng. Tiến sỹ Nguyễn Thị Mỹ Lộc có nhận xét rất đúng: *“Nghề thuật dạy học chính là cầu nối giữa “nghề” và “nghiep” của giáo viên, là câu chuyện của trái tim”*. Dạy học là một nghệ thuật, đòi hỏi tính linh hoạt, tính sáng tạo cao. *“Nghề dạy học là nghề sáng tạo nhất trong những nghề sáng tạo”* (Phạm Văn Đồng). Các kỹ năng nghiên cứu khoa học, hoạt động xã hội...là những kỹ năng vô cùng quan trọng, thiếu chúng người giáo viên không thể

thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Hơn ai hết, người thầy giáo phải là người không được bằng lòng với những gì mình có, mà phải học tập liên tục để hoàn thiện nhân cách bởi “Người giáo viên như đứng trước một dòng nước ngược, nếu không cẩn thận sẽ bị nước cuốn trôi” (K.D.Usinski).

Tự trung, muốn được xã hội tôn trọng, đòi hỏi người thầy giáo phải gương mẫu, người hướng đạo trên đường đời, người có phẩm chất, lý tưởng, đạo đức trong sáng...

Hơn ai hết và hơn bao giờ hết mỗi một người thầy giáo phải ý thức được mình để xứng đáng với niềm tin, trọng trách mà Đảng, Nhà nước, nhân dân trao gửi !

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hứa Văn Ân và nhiều tác giả (2001), *Truyền thống tôn sư trọng đạo*, Nxb Trẻ.
2. Đoàn Thị Lam Luyện (Chủ biên, 2001), *Chân dung nhà giáo ưu tú Việt Nam*, Nxb Hội Nhà văn.
3. Nguyễn Văn Tịnh, *Người chèo đò vĩ đại trên bến sông đời*, Giáo dục và Thời đại tháng 11/2012.

VÀI NÉT VỀ CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA NHÀ SƯ PHẠM, NHÀ VĂN ANTON MAKARENKO

Th.S Nguyễn Thị Cẩm

Tóm tắt

Anton Makarenko (1888 -1939) là nhà sư phạm vĩ đại người Ukraina. Bài viết giới thiệu một vài nét về cuộc đời, sự nghiệp của Makarenko và tư tưởng, phương pháp chủ đạo trong giáo dục của ông.

Từ khóa: Aton Makarenko, tư tưởng, phương pháp giáo dục

ĐẶT VẤN ĐỀ

Anton Makarenko (1888 -1939) là nhà sư phạm vĩ đại người Ukraina. Ông nổi tiếng với tác phẩm “Bài ca sư phạm”- tác phẩm xuất sắc của người thầy giáo hết lòng yêu trẻ, yêu nghề Anton Makarenko; mãi mãi gọi lên trong lòng chúng ta những suy ngẫm về thực chất, phương thức của nền giáo dục Xã hội chủ nghĩa.

NỘI DUNG

1. Cuộc đời và sự nghiệp

Anton Makarenko sinh ngày 13/3/1888 tại thành phố Belopolie huyện Sumsky tỉnh Kharkov trong một gia đình công nhân. Năm 1904 Makarenko tốt nghiệp trường trung học 4 lớp ở Kremenchug, sau đó thi tốt nghiệp các khóa đào tạo giáo viên. Năm 1905-1914 ông giảng dạy trong các trường học ngành đường sắt. Trong những năm 1916-1917 phục vụ trong quân đội, phục viên do cận thị. Năm 1917 tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm Polrava với huy chương vàng. Từ năm 1918 làm thanh tra giáo dục tiểu học ở thành phố Kriukov, phụ trách trường tiểu học thành phố ở Poltava.

Từ tháng 9/1920 Makarenko là giám đốc trại cải tạo Poltava (sau này mang tên M.Gorky), nơi ông quyết định thực hiện phương pháp “mối quan hệ Gorky đối với con người”. Năm 1927 ông kết hợp trại Poltava với một trại cải tạo khác ở Kharkov, “nổi tiếng” ở Ukraina như là nơi tập trung những kẻ trộm và trẻ em lang thang hư nhất. Tiếp đó những thành công trước đó chưa có tiền lệ của nhà sư phạm – cải cách được xây dựng trên cơ sở sử dụng khả năng giáo dục khổng lồ của tập thể, sự phối hợp giáo dục ở trường học với lao động sản xuất, sự kết hợp giữa lòng tin tưởng và sự đòi hỏi. Năm 1928 Gorky sau khi làm quen với trại Poltava và Kharkov đã viết trong thư gửi Makarenko: “Cuộc thí nghiệm sư phạm vô cùng ý nghĩa của đồng chí là hết sức thành công và có giá trị thế giới”.

Năm 1927 những chương đầu tiên của cuốn “Trường ca sư phạm” đã được viết. Khi đó Makarenko đã thiết lập xong dự án quản lý các trại cải tạo thiếu nhi của tỉnh Kharkov để triển khai rộng hơn kinh nghiệm của mình. Tuy nhiên do những chỉ trích từ giới sư phạm (cơ sở của những chỉ trích này không chỉ là những khiếm khuyết bị

Makarenko bỏ sót, mà còn chủ nghĩa bảo thủ, và đơn giản là sự ghen tỵ của những đồng nghiệp không thành công bằng) mà sau hè năm 1928, sau khi Dân ủy Giáo dục (Наркомпрос) Ukraina tuyên bố rằng hệ thống giáo dục của Makarenko là “không xô viết”, thì ông viết đơn xin thôi việc.

Năm 1932 Makarenko công bố tác phẩm văn học – sự phạm lớn đầu tiên “Tuần hành năm 30” – các bút ký kể về cuộc sống của trại giáo dục kiểu mới.

Từ năm 1928 Makarenko tiến hành các công việc nhằm xây dựng một tập thể mới – công xã mang tên F.E.Dzerzhinsky ở gần Kharkov. Công xã này không chỉ có khả năng giáo dục các thiếu niên “khó khăn” trong quá trình lao động tập thể, mà còn là một cơ sở sản xuất có lãi, đem lại cho đất nước khi đó lợi nhuận khá lớn, thậm chí còn bắt đầu sản xuất các thiết bị phức tạp – máy ảnh FED và mô hình máy khoan điện đầu tiên của Nga, điều này được thể hiện trong tên gọi cuốn sách tiếp theo của Makarenko – “FD-1”.

Nhờ sự giúp đỡ của M.Gorky trong những năm 1933-1935 cuốn “Trường ca sự phạm” đã được xuất bản, đem lại cho tác giả của nó sự nổi tiếng thế giới và mở ra một trang mới trong lịch sử sự phạm. Makarenko cũng viết các kịch bản “Cá tính thực sự”, “Chuyến công tác”, tiểu thuyết “Những con đường của thế hệ”.

Năm 1935 Anton Makarenko chuyển về Kiev làm Phó giám đốc phụ trách các trại lao động của NKVD Ukraina, sau đó thì chuyển tới Matxcova, nơi ông viết xong “Cuốn sách dành cho các phụ huynh” (1937). Truyện vừa “Ngọn cờ trên đỉnh tháp” (1938) tiếp tục chủ đề các tác phẩm văn học – sự phạm của ông. Hoạt động văn học và xã hội của Anton Makarenko ở Matxcova bị chấm dứt bởi cái chết đột ngột của ông trong toa tàu ngày 1/4/1939

2. Cơ sở tư tưởng trong quan điểm giáo dục của Makarenko

Makarenko đã hiến cả cuộc đời mình cho sự nghiệp giáo dục: một mặt ông anh dũng đấu tranh chống những tàn dư của những truyền thống và quan điểm giáo dục cũ, mặt khác, ông tích cực tìm tòi những phương pháp giáo dục mới. Makarenko đã đề xuất ra nhiều nguyên tắc giáo dục khiến cho khoa học giáo dục ngày càng thêm phong phú.

Năm 1920, ông được lệnh của Sở giáo dục Pôn-ta-va giao cho tổ chức một trường để dạy dỗ những đứa trẻ chưa ngoan.

Trường giáo dục này ông đặt tên là trường giáo dục Goo-ki. Makarenko đã nghiên cứu các tác phẩm của Goo-ki và rất cảm phục nhà văn hào này. Ông đã viết: “Goo-ki đối với tôi không những chỉ là một nhà văn mà còn là ông thầy dạy cách sống”. Ngược lại, Goo-ki cũng rất mến phục Makarenko. Có lần, Goo-ki đã viết cho ông: “ Anh là một người kỳ diệu, một trong những người mà nước Nga đang cần”. Trường giáo dục Goo-ki có 120 học sinh từ 12 đến 18 tuổi. Đây là những đứa trẻ có các tật xấu như: nói dối, vô kỷ luật, lười học, hay mãi chơi trốn học và thích gây gổ...

Nhờ có những phương pháp giáo dục đầy sáng tạo tính, ông đã thành công một cách vẻ vang. Năm 1922, ông đem 120 trẻ ở trường giáo dục Gooc-ki hợp với 280 trẻ em mới ở Cu-ri-a-giơ, ở gần Khắc Cốp, thành một ngôi trường với 400 học sinh: 300 nam và 100 nữ. Nhưng hồi đó, trong các cơ quan giáo dục ở cấp trên có nhiều kẻ chịu ảnh hưởng của phái “nhi đồng học”, họ cho rằng trẻ em bị hư hỏng là vì di truyền và hoàn cảnh bất di bất dịch, nên họ tìm cách công kích và phá hoại sự nghiệp của ông. Ở trại Gooc-ki, Makarenko còn ở thời kỳ tìm tòi phương pháp giáo dục; ở Dec-gin-xki, ông đã có thể áp dụng những kinh nghiệm rất quý giá vào công tác giáo dục bằng cách kết hợp giáo dục và lao động với nhau.

Makarenko đã tích cực công tác ở công xã này từ 1927 đến 1935. Trong thời kỳ đó, ông đã viết “Bài ca sư phạm” kể lại những hoạt động của trại Gooc-ki. Sau 1935, theo lời khuyên của Gooc-ki, Năm 1937, ông cho xuất bản quyển “Sách cho những người làm cha mẹ”, trong đó ông nêu lên những lệch lạc của một số lớn cha mẹ về cách giáo dục con cái và đề ra phương pháp sửa chữa. Sau 16 năm hoạt động ở trường Gooc-ki và công xã Dec-gi-xki, Makarenko đã đào tạo được 3000 công dân tốt, phần lớn đã trở nên những cán bộ ưu tú trong giáo giới, trong quân đội, trong công nghiệp, trong y tế.

3. Chủ nghĩa nhân đạo và chủ nghĩa lạc quan trong quan điểm giáo dục của Makarenko

Sự kết hợp giữa lòng tôn trọng giá trị con người và những yêu cầu cao đối với con người là nguyên tắc căn bản của hệ thống giáo dục của Makarenko. Người ta thường nói trẻ em là những đoá hoa, Makarenko nói thêm rằng: “Muốn có những đoá hoa đẹp phải kịp thời dùng kéo cắt những cành khô hoặc dùng thuốc sát trùng mà tưới cho hoa”. Lời nói hình tượng này biểu hiện cái ý của Makarenko về sự tôn trọng con người và yêu cầu cao đối với con người. Trong sách “Bách khoa sư phạm, Makarenko viết “Nếu người ta không thấy cái gì vui tươi thì người ta không thể sống ở trên đời. Sự kích thích chân chính của cuộc sống của người ta là sự vui sướng của ngày mai. Sự vui sướng ấy của ngày mai là một cái đối tượng chính của kỹ thuật sư phạm... Giáo dục người ta là tạo cho người ta những viễn cảnh để người ta mong được sự vui sướng của ngày mai”. Makarenko muốn rằng trẻ em học tập và lao động với tinh thần lạc quan, và dùng chủ nghĩa lạc quan để động viên trẻ em làm tròn nhiệm vụ.

4. Phương pháp giáo dục mang tính tập thể, kết hợp hài hòa giữa ý chí giáo viên và nguyện vọng của học sinh.

Giáo dục trong tập thể, bằng tập thể và vì tập thể - đó là cái yêu cầu quan trọng nhất trong yêu cầu giáo dục của Makarenko. Nhiệm vụ trọng đại của thầy giáo là xây dựng một tập thể vững mạnh và tự giác. Cái tập thể đó phải cùng với thầy giáo và dưới sự chỉ đạo của thầy giáo, tiến hành công tác giáo dục mọi người trong tập thể. Giáo dục trong tập thể không phải là gạt bỏ phương pháp giáo dục cá nhân, Makarenko nói: “Mọi người không thể hoàn toàn giống nhau được”. Ông thầy và tập thể phải chú ý

đến cá tính muôn màu, muôn vẻ, chứ không phải chỉ đóng khung trong một phương pháp chung chung, bất di bất dịch.

Nghệ thuật của ông thầy là kết hợp sự lãnh đạo của mình với sự tham gia ý kiến của tập thể học sinh. Muốn thế người thầy giáo phải làm thế nào cho ý chí của mình thống nhất với ý chí của tập thể học sinh. Bên cạnh tập thể học sinh, Makarenko thấy cần phải có tập thể của giáo sư. Ông nói: “Nếu không có một tập thể đoàn kết của giáo sư để áp dụng những phương pháp nhất trí, để lãnh đạo lớp và toàn trường một cách tập thể, thì công tác thường xuyên của nhà trường không có ý nghĩa gì”.

5. Giáo dục trong lao động và rèn luyện trong kỷ luật

Makarenko vạch ra rằng giáo dục lao động và tập luyện thể thao phát triển thể lực và trí lực trẻ em, đồng thời tăng thêm lòng tự tin và phát huy tính sáng tạo. Ông nói: “Kẻ nào sợ công việc, sợ hoạt động thì không bao giờ có thể sáng tạo được”. Ông nêu lên một nguyên tắc lý tưởng là phải làm thế nào cho bản thân lao động và rèn luyện thân thể có tính chất hấp dẫn học sinh và kích thích họ cố gắng đạt được những kết quả tốt đẹp. Đời sống tập thể là điều kiện quan trọng nhất để bồi dưỡng ý thức kỷ luật và ý thức tổ chức cho học sinh. Kỷ luật là kết quả của công tác giáo dục, kỷ luật phải xây dựng trên sự tin tưởng ở học sinh. Makarenko cho rằng không có một người nào hoàn toàn hư hỏng. Ông nói: “Trẻ em hư hỏng chỉ chứng tỏ rằng thầy giáo đã thất bại mà thôi”. Kỷ luật hay nhất là thứ kỷ luật khiến cho học sinh tự mình muốn tôn trọng mọi quy tắc của nhà trường và vui lòng nhắc nhở người khác cũng làm như mình.

Đối với những học sinh không cố ý tuân theo kỷ luật thì có cần dùng phương pháp trừng phạt không? Makarenko cho rằng gạt bỏ việc trừng phạt là thể hiện của chủ nghĩa nhân đạo giả dối. Theo ông, một chế độ trừng phạt hợp lý có thể giúp cho việc hình thành một nhân cách kiên cường, một tinh thần trách nhiệm cao, một ý chí sắt đá. Chế độ trừng phạt phải được xây dựng trên cơ sở bảo vệ lợi ích của tập thể mà không hại đến một cá nhân nào.

KẾT LUẬN

Makarenko, từ 1905 đến 1939, trong 34 năm trời đã hoàn toàn hiến thân cho giáo dục. Ông đã đưa 3000 thanh thiếu niên từ chỗ tối tăm ra chỗ ánh sáng, cải biến những những học sinh cá biệt thành những người công dân tốt, những người lao động tốt, những người cán bộ tốt, ông xây dựng nên một lý luận giáo dục tiên bộ. Quan điểm giáo dục của Makarenko đã đóng góp rất lớn trong sự nghiệp giáo dục thế giới, là nền tảng lý luận giáo dục, là những hành trang quý báu trên con đường giáo dục học sinh của những người làm nghề giáo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn An (1999), *Nhập môn Giáo dục học*, NXB Đại học Sư phạm, TP HCM.
2. Nguyễn Lâm (1958), *Lịch sử giáo dục thế giới*, NXB Giáo dục
3. Hà Nhật Thăng (1982), *Lịch sử GD thế giới*, NXB Đại học sư phạm HN
4. Hà Nhật Thăng - Đào Thanh Âm (1998), *Lịch sử giáo dục thế giới*, NXB GD, HN
5. Phạm Khắc Chương (2002), *Lịch sử tư tưởng giáo dục học*, NXB HN
6. Trang web: <http://thptbinhphu.hcm.edu.vn/chuyen-gd/phuong-phap-giao-duc-cua-makarenko> (truy cập 23/04/2016)